

# Sự quan tâm của Hồ Chí Minh với vấn đề báo chí

ĐÀO THỊ HẠNH

Tạp chí Văn thư Lưu trữ Việt Nam

## 1. Nguyễn Ái Quốc với vấn đề tự do báo chí trước năm 1945

Suốt cả cuộc đời Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh luôn có một ham muốn đó là làm sao cho nước ta hoàn toàn được độc lập, dân ta hoàn toàn được tự do. Tự do để nhân dân có quyền làm chủ đất nước mình, làm chủ vận mệnh của cá nhân mình. Trong cái tự do đó thì tự do báo chí và tự do ngôn luận là một trong những quyền thiêng liêng của mỗi một người dân, mỗi một người làm báo cần có.

Chính vì quyền lợi tinh thần thiêng liêng đó mà người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã quan tâm đến vấn đề này từ những năm 1919 khi đang còn là một thanh niên mới đến Pháp. Có thể nói rằng, đây là một vấn đề được Nguyễn Tất Thành đề cập đến "một cách trực tiếp, quyết liệt và có hệ thống trong các bài viết của Người trước năm 1945"<sup>1</sup>.

Lần đầu tiên Nguyễn Ái Quốc nhắc đến vấn đề tự do báo chí và tự do ngôn luận, đó là trong bản Yêu sách của nhân dân An Nam với 8 điểm được gửi tới Hội nghị Véc xây vào năm 1919. Trong 8 điểm Yêu sách đó có 1 điểm là đòi tự do báo chí và tự do ngôn luận. Không chỉ dừng lại ở việc đòi vấn đề tự do báo chí trong Bản yêu sách của nhân dân An Nam mà thời gian sau này trong các tác phẩm báo chí khác Nguyễn Ái

Quốc vẫn luôn nhắc đến vấn đề tự do báo chí như bài viết "Tâm địa thực dân", "Vấn đề dân bản xứ" (Báo L' Humanite', ngày 02-8-1919), "Đông Dương và Triều Tiên" (Báo Le Populaire, ngày 04-9-1919), "Thư gửi ông Uturây" (Báo Le Populaire, ngày 14-10-1919)... Trong bài viết "Tâm địa thực dân" Nguyễn Ái Quốc nói rõ: "rồi ông Đovila chép lại tám yêu sách của người An Nam, và kèm theo yêu sách thứ ba - tự do báo chí và ngôn luận - ông đưa ra nhận xét này: mà bản thân chúng ta cũng không được hưởng, và kèm theo yêu sách thứ bảy - thay chế độ sắc lệnh bằng chế độ luật - ông đưa ra nhận xét này: hết như ở nước ta. Cũng vậy thôi, tính giả dối cũng không được che đậy kín đáo gì hcn. Chúng tôi xin phép hỏi ông Đovila rằng phải chăng ông coi độc giả của ông là những người quá ư ngu ngốc, khi ông định dùng cái lối bình luận quỷ quyệt đó để làm cho họ lẫn lộn tình trạng hoàn toàn và vĩnh viễn không có quyền tự do tư tưởng với sự kiểm duyệt, tức là một tình trạng hoàn toàn có tính chất tạm thời và chỉ nhằm một vài loại tin tức thôi. Còn về việc thay thế chế độ sắc lệnh bằng chế độ luật, thì chúng tôi không hiểu tại sao ông Đovila lại sợ việc ấy đến thế, vì những người trong sạch thì không việc gì phải sợ sự kiểm soát của ai cả, ngay cả sự kiểm soát của Nghị viện nữa"<sup>2</sup>.

Đặc biệt, ngay trong bài phát biểu tại Đại hội toàn quốc lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp Nguyễn Ái Quốc lại tiếp tục nêu lên vấn đề tự do báo chí của nhân dân An Nam ra trước Hội nghị “*chúng tôi không có quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận, ngay cả quyền tự do hội họp và lập hội cũng không có*”<sup>3</sup>.

Tại sao trong các vấn đề đòi hỏi quyền của mỗi người dân An Nam, Nguyễn Ái Quốc lại đòi cả quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận bên cạnh các quyền khác, hơn thế nữa quyền này lại được nêu lên là quyền thứ 3 của nhân dân An Nam. Bởi một lẽ, dưới sự cai trị của chính quyền đô hộ Pháp, đất nước bị biến thành một đất nước thực dân nửa phong kiến, nhân dân An Nam đã mất hoàn toàn quyền tự do, dân chủ của mình. Người dân không nói lên được tiếng nói của mình, họ không được tiếp cận với các luồng thông tin. Báo chí tại An Nam không được tự do hoạt động, nếu được hoạt động cũng bị sự chi phối của chính quyền thực dân. Tại nước Pháp chính quốc, chế độ báo chí đã được Pháp công nhận bằng một Luật báo chí ngày 29-7-1881 nhưng thực dân Pháp lại không để cho Luật báo chí ấy được thể hiện sự tự do ở xứ thuộc địa An Nam, mặc dù Luật này “*không phải là một chế độ hoàn toàn khóa miệng và bưng bít sự thật*”<sup>4</sup>. Nhưng thực dân Pháp lại lo sợ sự tự do của Luật báo chí của Pháp. Một mặt chúng vẫn cho và thừa nhận cho báo chí tiếng Pháp xuất bản, nhưng bên cạnh đó thực dân Pháp lại ban hành một Sắc lệnh ngày 30-12-1918 buộc tất cả các báo tiếng Việt, Trung Hoa và các tiếng khác phải có giấy phép xuất bản. Như vậy, thực dân Pháp đánh đổ nhân dân An Nam bởi tiếng Pháp có bao nhiêu phần trăm dân số lúc bấy giờ đọc được? Đây là một sự bưng bít thông tin để cho thực dân Pháp thực hiện biện pháp “ngu dân dễ trị”. Để cho nhân dân thế giới thấy rõ được sự bưng bít thông tin, sự tước đoạt đi quyền tự do báo chí của nhân dân An Nam, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ: “*Thế còn báo chí? Những điều tôi kể về báo chí An Nam nó kỳ dị đến nỗi khó mà tin được. Ở giữa thế kỷ XX này, ở một nước có*

*đến 20 triệu dân mà không có lấy một tờ báo! Các bạn có thể tưởng tượng được như thế không? Không có một tờ báo bằng tiếng mẹ đẻ của chúng tôi. Lý do như thế này: Chính quyền Pháp quyết định rằng không một tờ báo bằng tiếng An Nam nào xuất bản nếu không được viên toàn quyền cho phép, rằng họ chỉ cho phép với điều kiện bản thảo đưa đăng phải trình viên toàn quyền duyệt trước đã và giấy phép họ thu hồi lúc nào cũng được. Tinh thần bản sắc lệnh là như thế đấy” và “cho đến bây giờ chưa có một người An Nam nào được phép xuất bản một tờ báo cả*”<sup>5</sup>.

Như vậy để đạt được âm mưu khai thác thuộc địa, thực dân Pháp đã kim hãm tiếng nói nơi thuộc địa. Bởi thực dân Pháp hiểu rằng báo chí là diễn đàn của nhân dân, để nhân dân biểu hiện và thể hiện ý chí, nguyện vọng của mình. Đồng thời báo chí cũng là thước đo về tinh thần và trình độ dân chủ của một xã hội, là trình độ văn hóa của một dân tộc. Không chỉ kim hãm không cho xuất bản báo chí bằng tiếng Việt mà còn cấm ngặt luôn cả những tờ báo nào đã động đến chuyện chính trị, thậm chí không cho đăng cả những bài dịch từ báo của Pháp. Hơn thế nữa, thực dân Pháp còn kiểm duyệt một cách gắt gao, không cho đăng bất cứ những thông tin nào bất lợi cho Pháp. Trong khi đó “*báo chí, trong bản chất của nó là gần bó và đấu tranh cho những khuynh hướng chính trị. Xu hướng chính trị là linh hồn của tờ báo. Một tờ báo không đề cập đến vấn đề chính trị và phản chiếu thực tiễn của nhân dân thì sẽ dần thủ tiêu chức năng của mình*”<sup>6</sup>. Nguyễn Ái Quốc đã nhìn ra vấn đề đó và Ông đã luận tội thực dân Pháp “*nền văn minh của thực dân đã dùng ngọn đuốc cổ truyền thủ tiêu đến chút tự do cuối cùng của dân bản xứ. Đã làm cho người bản xứ phải đần độn và câm, chúng vẫn chưa bằng lòng, chúng còn muốn họ phải điếc nữa kia. Chúng bịt tai không cho họ nghe tiếng vang của những biến cố bên ngoài. Chỉ đơn giản bằng một nét bút, chúng định chỉ hẩn đời sống tinh thần của cả một dân tộc*”<sup>7</sup>.

Chính vì một dân tộc mất cả tinh thần lẫn tự do, với mong muốn làm sao mang được tự do đó về cho dân tộc Việt Nam nên suốt cả quãng đời hoạt động của mình Nguyễn Ái Quốc đã tham gia làm báo và tự mình làm chủ báo để mong muốn đại diện của nhân dân An Nam nói được tiếng nói của mình, của dân tộc. Nguyễn Ái Quốc đã làm rất nhiều tờ báo và viết những bài báo đã kích chế độ thực dân phong kiến thối nát. Các báo mà Nguyễn Ái Quốc đã làm như: *Người cùng khổ* (1922); *Quốc tế nông dân* (1924); *Thanh niên* (1925); *Công nông* (1925); *Lính Kách mệnh* (1925); *Thân ái* (1928); *Đỏ* (1929); *Việt Nam độc lập* (1941); *Cứu quốc* (1942). Đặc biệt, bằng việc sáng lập tờ Thanh niên, tờ báo của Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội (tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam) - ra số đầu tiên vào ngày 21/6/1925, Người đã khai sinh nền báo chí cách mạng Việt Nam. Ngày 21/6 hằng năm đã trở thành Ngày truyền thống của Báo chí cách mạng Việt Nam. Ngoài ra, Bác còn là người chỉ đạo, cộng tác viên mật thiết cho các tờ báo của Đảng như: *Búa liềm*, *Tranh đấu*, *Tiếng nói của chúng ta*.

## 2. Sự quan tâm của Hồ Chí Minh với vấn đề báo chí sau năm 1945

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, báo chí cách mạng được Đảng trao cho một sứ mệnh vô cùng cao cả và thiêng liêng, đó là phải tiên phong trong việc tuyên truyền, giáo dục về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, phản ánh thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với quan điểm xuyên suốt: *Độc lập dân tộc gắn liền với CNXH*. Có thể nói, đây không chỉ là một nhiệm vụ phải làm, mà còn là mục tiêu, là tiêu chí quy định chức năng, nhiệm vụ; đồng thời cũng là môi trường phát triển của nền báo chí nước nhà. Một nền báo chí có chủ quyền độc lập dân tộc sau bao nhiêu năm bị đô hộ. Một nền báo chí đại diện cho tiếng nói của người dân Việt Nam mới được hít thở bầu không khí của độc lập, tự do, dân chủ.

Với Bác Hồ, mặc dù bận rất nhiều công việc của một vị Chủ tịch nước, nhưng lúc nào Bác cũng luôn quan tâm đến sự phát

triển của nền báo chí cách mạng, bởi Bác thấu hiểu thế nào là mất đi quyền tự do báo chí và hơn thế nữa Bác đã phải đấu tranh, bảo vệ một cách mạnh mẽ cho quyền tự do này cho dân tộc Việt Nam như thế nào. Chính vì vậy, giữa lúc bộn bề với bao công việc của một đất nước còn non trẻ, lại phải lo đối phó với vấn đề thù trong, giặc ngoài đang cấu kết phá hoại chính quyền, nhưng Hồ Chí Minh chưa khi nào quên vấn đề báo chí, nơi thể hiện tiếng nói của người dân. Việc đầu tiên Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm đến báo chí đó là Bác đã đại diện và thay mặt cho Chính phủ Cách mạng lâm thời ban hành Sắc lệnh số 41 ngày 29 tháng 3 năm 1946 về việc quy định chế độ báo chí. Sắc lệnh này có 41 Mục, 14 Điều, quy định rõ từng vấn đề để xuất bản được báo chí. Có thể nói rằng, với việc ban hành Sắc lệnh số 41 đã cho thấy việc quan tâm của Hồ Chí Minh đến vấn đề báo chí như thế nào. Bác mong muốn triển khai vấn đề về báo chí dưới dạng luật pháp, được sự công nhận của luật pháp, sự công nhận của một chính quyền ở đất nước có tự do, dân chủ. Đây là Sắc lệnh đầu tiên đặt nền móng cho các Luật về báo chí sau này, là bước khởi đầu khẳng định sự tự do báo chí của nhân dân và của người làm báo.

Phân tích Sắc lệnh số 41 ta thấy vấn đề báo chí được cởi mở hơn. Trong Sắc lệnh không có quy định cấm đoán nhân dân xuất bản báo chí, các vấn đề của kinh tế, chính trị của xã hội cũng không bị bó hẹp. Có thể thấy rằng, bản Sắc lệnh đã thể hiện được quyền tự do báo chí của nhân dân. Ngay ở Điều thứ II, Mục I đã cho thấy sự tôn trọng tự do báo chí đó là: "*Các báo chí hàng ngày sẽ được xuất bản 48 giờ sau khi khai với Ủy ban hành chính kỳ*". Tức là một tờ báo ra đời chỉ cần 48 tiếng báo cáo với Ủy ban hành chính kỳ thì sẽ được xuất bản.

Đặc biệt, trong Sắc lệnh có một mục thể hiện rõ sự tự do báo chí, điều mà trước đây người làm báo chưa có được, đó là ở Điều thứ V, Mục thứ II - Kiểm duyệt "*các bài báo chí sẽ được ấn hành sau khi ty Kiểm duyệt cấp kỳ đã duyệt*". Tuy nhiên, *Kiểm duyệt*

được quy định trong Sắc lệnh khác hoàn toàn với chế độ thực dân phong kiến bởi Chính phủ Cách mạng lâm thời đã tạo cho người dân, người làm báo có một cái quyền thiêng liêng là được *khieu nại*. Có được tự do, có được thể hiện tiếng nói của mình mới có thể *khieu nại* được: *"Nếu bài báo bị kiểm duyệt và chủ nhiệm hoặc quản lý cho là quá đáng thì chủ nhiệm hoặc quản lý có thể gửi đơn khieu nại kèm cả bài báo bị Ty kiểm duyệt bỏ, lên Hội đồng kiểm duyệt"*<sup>10</sup>. Về phía Hội đồng Kiểm duyệt được thành lập với sự tham gia của nhiều bộ, ngành và do Quốc hội, báo giới đề cử: *"Hội đồng kiểm duyệt đặt tại Bộ Nội vụ, gồm có năm hội viên, do nghị định Bộ trưởng Bộ nội vụ cử ra: 1 nhân viên Bộ Nội vụ, 1 nhân viên do Bộ ngoại giao đề cử, 1 nhân viên do Bộ quốc phòng đề cử, 1 nhân viên do Quốc hội đề cử, 1 đại biểu của báo giới đề cử"*<sup>11</sup>. Như vậy, lần đầu tiên những người làm báo có đại diện cho mình, cho ngành nghề của mình trong Hội đồng kiểm duyệt.

Trong việc thành lập Hội đồng kiểm duyệt, Sắc lệnh 41 cũng quy định luôn nhiệm vụ cho Hội đồng này là: *"a) Đề nghị lên Bộ trưởng Bộ Nội vụ những chỉ thị về việc kiểm duyệt để các ty kiểm duyệt tuân hành. b) xét đơn khieu nại của các nhà báo"*<sup>12</sup>. Như vậy, sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhân dân ta đã được hưởng quyền tự do dân chủ trong một đất nước có chủ quyền dân tộc, một trong những tự do mà nhân dân được hưởng thì tự do báo chí – tự do mà Nguyễn Ái Quốc đã rờng rã đấu tranh suốt mấy chục năm - đã trở thành hiện thực. Bên cạnh đó, Sắc lệnh cũng quy định bãi bỏ tất cả những Sắc lệnh trước đây liên quan đến báo chí. Điều này thêm một lần nữa khẳng định sự chủ quyền của một dân tộc, một đất nước với toàn thể nhân dân Việt Nam cũng như thế giới. Với sự ra đời của Sắc lệnh 41 đã góp phần vào việc phát triển nền báo chí cách mạng Việt Nam, đồng thời ngăn chặn những phần tử xấu lợi dụng báo chí chống phá cách mạng, chống phá một nhà nước non trẻ mới được ra đời.

Sau khi Pháp đầu hàng ở Điện Biên Phủ năm 1954, chúng ta có thời gian 2 năm để thống nhất đất nước. Nhưng đến tháng 3 năm 1956, Mỹ - Diệm tổ chức bầu cử Quốc hội ở miền Nam, lập chế độ *"Việt Nam cộng hòa"* do Diệm làm Tổng thống, đất nước lại bước vào một cuộc trường chinh mới: vừa xây dựng miền Bắc, vừa đấu tranh chống Mỹ - Diệm ở miền Nam. Thế nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn không quên vấn đề báo chí. Không chỉ dừng lại ở việc ban hành Sắc lệnh số 41, ngày 14-12-1956, Hồ Chủ tịch tiếp tục ký Sắc lệnh số 282/SL về chế độ báo chí, thay thế Sắc lệnh số 41. Sắc lệnh 282 này kèm theo Luật về chế độ báo chí, gồm 3 Chương, 19 Điều quy định rõ từng nhiệm vụ cụ thể của báo chí. Ngay tại Điều 1 của Chương II đã thể hiện rõ ý chí và quyền lợi của nhân dân về báo chí: *"Sắc lệnh này nhằm bảo đảm quyền tự do ngôn luận của nhân dân trên báo chí và ngăn cấm những kẻ lợi dụng quyền ấy để làm phương hại đến công cuộc đấu tranh cho hòa bình, thống nhất, độc lập và dân chủ của nước nhà"*<sup>13</sup>. Trong Sắc lệnh đã nêu rõ nhiệm vụ của báo chí *"Tuyên truyền giáo dục nhân dân, động viên tinh thần đoàn kết phấn đấu thực hiện mọi đường lối chính sách của Chính phủ, đấu tranh bảo vệ những thành quả của cách mạng, xây dựng chế độ nhân dân, phát triển tinh hũu nghị của nhân dân ta với nhân dân các nước bạn và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới, phục vụ cuộc đấu tranh thực hiện một nước Việt Nam hòa bình thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh. Đấu tranh chống mọi âm mưu, hành động và luận điệu phá hoại công cuộc xây dựng miền Bắc vững mạnh, phá hoại công cuộc thống nhất Tổ quốc, phá hoại hòa bình"*<sup>14</sup>. Bên cạnh nhiệm vụ được quy định, Sắc lệnh còn quy định rõ về quyền lợi và hoạt động của báo chí. Về quyền lợi của báo chí, đây là một bước tiếp theo mở rộng và khẳng định quyền tự do báo chí *"quyền tự ngôn luận của nhân dân được đảm bảo. Tất cả các báo chí đều được hưởng quyền tự do ngôn luận. Không phải kiểm duyệt trước khi in, trong trường hợp khẩn cấp xét*

*cần phải tạm thời đặt kiểm duyệt, hội đồng Chính phủ sẽ quyết định*<sup>15</sup>.

Như vậy là đến năm 1956, với sự quan tâm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vấn đề báo chí, sự tự do báo chí, tự do ngôn luận không phải kiểm duyệt đã được khẳng định trong một văn bản có tính chất pháp lý và được sự bảo vệ của pháp luật. Đó là điều mà bất cứ người dân, một người làm báo của một đất nước sống dưới sự tự do đều mơ ước tới.

Hồ Chí Minh không chỉ quan tâm đến báo chí bằng những văn bản có tính chất pháp lý, mà còn quan tâm đến người làm báo, hướng dẫn cho những nhà báo cách làm báo bằng những bài nói chuyện, bằng những lời khuyên bổ ích. Một trong những lớp học báo chí đầu tiên của nước ta sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là lớp học trong rừng Việt Bắc được Bác cho mở tại trường Huỳnh Thúc Kháng. Dù bận trăm công, ngàn việc cho cuộc kháng chiến, nhưng Hồ Chí Minh vẫn quan tâm đến lớp học viết báo này. Trong thư gửi các học viên của lớp báo chí, Bác đã khuyên các nhà báo, muốn viết về cái gì thì cần *"học trong xã hội, học nơi công tác thực tế, học ở quần chúng. Nếu các bạn viết báo mà quần chúng hiểu, quần chúng ham đọc, quần chúng khen hay thế là các bạn tiến bộ. Trái lại là các bạn chưa thành công"*<sup>16</sup>. Và trong một lá thư gửi trí thức ở Nam bộ, trong đó có các nhà báo ngày 25-5-1947, Người viết: *"ngòi bút của các bạn cũng là những vũ khí sắc bén trong sự nghiệp phò chính, trừ tà; mà anh em văn hóa trí thức phải làm cũng như là những chiến sĩ anh dũng trong công cuộc kháng chiến để tranh lại quyền thống nhất và độc lập cho Tổ quốc"*... Hay trong thư gửi Đại hội báo giới vào năm 1947 Bác cũng khuyến khích các nhà báo nêu cao ngọn cờ giải phóng dân tộc *"Chiến sĩ ở mặt trận thì dùng súng chống địch, các bạn thì dùng bút chống địch. Kháng chiến nhất định thắng lợi và thành công"*<sup>17</sup>. Trong nhiều bài viết của Bác về sau trên báo chí, Người luôn

dùng những lời lẽ ý tứ dễ hiểu, ngôn ngữ bình thường, thậm chí rất bình dân... đủ cho những người có trình độ thấp cũng hiểu được ý của người viết, cũng như nội dung bài báo. Những bài học về cái tâm và cái tầm của người làm báo như Bác Hồ đã răn dạy luôn là điều nhắc nhở không thể thiếu cho mỗi người muốn và đang đi vào nghề báo - nhà báo.

Nói về mục tiêu của báo chí cách mạng, trong phát biểu tại Đại hội Hội Nhà báo Việt Nam lần thứ II (tháng 4-1959), Người chỉ rõ: *"Về nội dung viết, mà các cô các chú gọi là đề tài thì tất cả những bài Bác viết chỉ có một đề tài là chống thực dân, đế quốc, chống phong kiến, địa chủ, tuyên truyền độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Duyên nợ của Bác đối với báo chí là như vậy đó"*<sup>18</sup>. Nói về mục đích của báo chí, Bác chỉ rõ: *"báo chí của ta cần phải để phục vụ nhân dân lao động, phục vụ đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, cho hòa bình thế giới"*<sup>19</sup>.

Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, báo chí phục vụ nhân dân, là tiếng nói của nhân dân, phục vụ mục đích trong sáng và cao cả của Đảng, của sự nghiệp cách mạng, là công cụ để phò chính, diệt tà, để khơi dậy, biểu dương cái tốt, người tốt, việc tốt, ngăn chặn và đẩy lùi cái xấu, cái tiêu cực. 86 năm trôi qua, sự nghiệp báo chí cách mạng Việt Nam đã không ngừng lớn mạnh theo dòng chảy của cách mạng, của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng theo tư tưởng của Người.!

1, 6. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Xã hội và Nhân văn số 23 năm 2007, tr 239

2, 3, 4, 5, 7. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 1, NXB Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội 2000, tr 3; tr 22, tr 17, tr 403, tr 407.

8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Phòng Phủ Thủ tướng

16, 17 Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 5, NXB Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội 2000, tr 1334, tr 418

18, 19. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Tập 9, NXB Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội 2000, tr 420-427.